TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- P

Với thành phần giải quyết việc Dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:* Ông Phạm Việt Hưng

- Thư ký phiên họp*:* Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- P tham gia phiên họp*:* Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- P mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2025/TLST -VDS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*".

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 20/2025/QĐST-VDS ngày 25 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị N, sinh năm 1988; Nơi thường trú: thôn B, xã Đ, tỉnh L

- Anh Đỗ Kiên C, sinh năm 1980; Nơi thường trú: Đội I A, xã B, tỉnh P.

(Chị N, anh C đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lê Thị N, anh Đỗ Kiên C và Đơn đề nghị của chị Lê Thị N, bản tự khai của anh Đỗ Kiên C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C thống nhất trình bày cả hai được tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nay là xã Đ, tỉnh L vào ngày 05/12/2006. Trong quá trình sinh sống từ năm 2007 đến năm 2012 không xảy ra mâu thuẫn gì. Từ năm 2013 đến hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tình cảm hai vợ chồng không còn nữa nên chị N và anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung : Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C có 01 con chung là cháu Đỗ Quốc H, sinh năm 2007. Hiện nay đã thành niên. Chị N, anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự chị N và anh C đều có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C xác định có 01 con chung là cháu Đỗ Quốc H, sinh năm 2007. Hiện nay đã thành niên. Chị N, anh C không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C xác định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- P, Tòa án nhân dân khu vực 3- P nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Người yêu cầu chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh Đỗ Kiên C có nơi cư trú tại các B, tỉnh P nên Tòa án nhân dân khu vực 3- P thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3- P tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị N, anh C.

[2]. Về nội dung:

- Căn cứ vào Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị N, anh C nộp trực tiếp tại Toà án cũng như Đơn đề nghị của chị N gửi cho Toà án có lời chứng của

UBND xã Đ, tỉnh L; Bản tự khai của anh C nộp tại Tòa án có thể khẳng định nội dung Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị N, anh C cũng như bản tự khai của anh C và Đơn đề nghị của chị M nộp tại Tòa án thể hiện ý chí của chị N, anh C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C thống nhất trình bày cả hai được tìm hiểu trước khi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nay là xã Đ, tỉnh L vào ngày 05/12/2006. Trong quá trình sinh sống từ năm 2007 đến năm 2012 không xảy ra mâu thuẫn gì. Từ năm 2013 đến hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tình cảm hai vợ chồng không còn nữa nên chị N và anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung : Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C có 01 con chung là cháu Đỗ Quốc H, sinh năm 2007. Hiện nay đã thành niên. Chị N, anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 điều 149; khoản 2 Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C có 01 con chung là cháu Đỗ Quốc H, sinh năm 2007. Hiện nay đã thành niên. Chị N, anh C không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp trong thời gian sống chung: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N và anh Đỗ Kiên C mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000934 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh P. Trả lại cho chị N số tiền 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND khu vực 3- P;
- THADS tỉnh P;
- UBND xã Đ, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Việt Hưng